

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN M
TỈNH Đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Án số: 03/2017/HNGĐ-ST
Ngày 12/7/2017
V/v: “Xin ly hôn và tranh chấp
nuôi con”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH Đ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Quàng Văn Xôm**.

Các Hội thẩm nhân dân huyện M:

1. Ông: **Đào Văn Xiên**

2. Ông: **Nguyễn Xuân Hoàng**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Chu Thị Chức** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Đ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai thụ lý số: 21/2017/TL - ST ngày 11/4/2017 về việc xin ly hôn và tranh chấp nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXX-ST ngày 22/6/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Định Thị T** - Sinh năm 1978.

Địa chỉ trú tại: Khu Hiệp An 1, phường P, thành phố U, tỉnh Q.

Đơn vị công tác: Công nhân công ty TNHH REGINA thành phố H.

Bị đơn: Anh **Trần Đức T** - Sinh năm 1980.

Trú tại: Tổ dân phố 10, thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ.

Nguyên đơn xin vắng mặt tại phiên tòa có lý do, bị đơn có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai ngày 28/3/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Định Thị T** trình bày:

Chị T, anh T sau khi tìm hiểu và đi đến kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 05/01/2012 tại UBND thị trấn M, huyện M, tỉnh Đ trên cơ sở tự nguyện không ép buộc. Chị T, anh T chung sống hoà thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đến tháng 7/2016 (âm lịch) chị T đã bỏ về quê ở Q và sống ly thân với anh T cho đến

nay. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn cho nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung, con riêng:

Trong thời gian chung sống anh, chị có 01 con chung: Cháu Trần Yến N – sinh ngày 10/5/2013. Trước khi kết hôn với anh T chị T đã có 01 con riêng với chồng cũ là cháu Lê Thu T - sinh ngày 29/9/2001.

Nguyên vọng của chị T xin được nuôi cả 02 cháu và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, chị cho rằng mình có đủ điều kiện để nuôi cả 2 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành, chị có thu nhập ổn định bình quân 8.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra còn được ông bà ngoại hỗ trợ và nuôi dưỡng cháu T từ nhỏ đến nay.

Ngoài ra cháu Lê Thu T có nguyện vọng được ở với chị T.

Về tài sản chung, riêng và công nợ:

Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/4/2017 và quá trình giải quyết anh Trần Đức T trình bày:

Quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn và nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn của vợ chồng anh T hoàn toàn nhất chí với lời trình bày của chị T, thế nhưng vì anh T vẫn còn tình cảm với chị T nên anh không đồng ý ly hôn mà chỉ đồng ý tạm thời ly thân một thời gian.

Về con chung, con riêng, tài sản chung và công nợ:

Anh T có nguyện vọng được chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, riêng và công nợ không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Biên bản xác minh tại nơi cư trú của anh Trần Đức T ngày 28/4/2017, thể hiện anh T thường xuyên uống rượu say, thu nhập không ổn định bình quân 3.000.000 đồng/ tháng. Trong thời gian chị T bỏ về quê thì cháu Trần Yến N ở cùng với bà nội (Trần Thị L). Lương hưu của bà L 4.500.000 đồng/tháng, phải nuôi mấy nhân khẩu trong gia đình do vậy có phần khó khăn về kinh tế.

Tại phiên tòa: Đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35/BLTTDS năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị T. Tuyên xử cho chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Trần Đức T. Giao cháu Lê Thu T và cháu Trần Yến N cho chị T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T được đi lại thăm nom các cháu mà không ai được cản trở.

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1]. Về tố tụng đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án. Vậy, Tòa án nhân dân huyện M, tỉnh Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị T có đơn xin vắng tại phiên tòa. Theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị Đinh Thị T.

Xét về hôn nhân:

[2].Chị T và anh T tìm hiểu và đi đến hôn nhân đăng ký kết hôn ngày 05/01/2012 tại UBND thị trấn M, tỉnh Đ, trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, tuân thủ các quy định của pháp luật Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và đình. Cuộc sống chung của chị T, anh T thời gian đầu thì hoà thuận hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Đến tháng 7/ 2016 (âm lịch) mâu thuẫn trầm trọng và chị T đã bỏ về quê Khu Hiệp An 1, phường Ph, thành phố U, tỉnh Q sinh sống và sống ly thân với anh T cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặt khác là do anh T không có việc làm và thu nhập không ổn định, thường xuyên uống rượu say mà không quan tâm cuộc sống gia đình. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần để hai vợ chồng quay về đoàn tụ, thế nhưng chị T khẳng định tình cảm của chị với anh T không còn, không thể tiếp tục cùng chung sống với nhau được nữa và cương quyết xin ly hôn với anh T, mặc dù anh T không đồng ý ly hôn và cho rằng vẫn còn tình cảm với chị T và chỉ đồng ý ly thân một thời gian. Tại biên bản xác minh của Tòa án tại nơi cư trú của anh T, chị T về thực trạng hôn nhân, chị T, anh T đã sống ly thân từ tháng 7/2016 (âm lịch) cho đến nay. Do vậy, xét thấy chị T và anh T đã sống ly thân được thời gian dài, không còn quan tâm cuộc sống của nhau nữa, tình cảm không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị T xin ly hôn với anh Trần Đức T để giải thoát cho cả đôi bên là cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình.

Xét về con chung, con riêng:

[2.1]. Trong quá trình chung sống anh T và chị Thảo 01 con chung: Cháu Trần Yên N – sinh ngày 10/5/2013. Trước khi kết hôn với anh T, chị T đã có 01 con riêng: Cháu Lê Thu T - sinh ngày 29/9/2001.

Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung, con riêng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T cũng có nguyện Vọng được nuôi con và cũng không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét nguyện vọng được nuôi dưỡng 02 con (chung, riêng) của chị T: Về kinh tế chị T làm công nhân của công ty TNHH REGINA thành phố H. Tổng thu nhập các khoản ổn định bình quân 8.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra còn được ông bà ngoại hỗ trợ và nuôi dưỡng cháu T từ nhỏ đến nay. Đối với anh T thu nhập bình quân 3.000.000 đồng/tháng, nhưng không ổn định (có tháng có việc làm thì có thu nhập, tháng không có việc làm thì không có thu nhập). Trong thời gian chị T bỏ về quê ở thì cháu Yến N chủ yếu do bà nội (Trần Thị L) trông nom, chăm sóc nuôi dưỡng là chính. Vậy, căn cứ tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án mức thu nhập của chị T và anh T, khả năng, điều kiện về kinh tế của anh, chị hiện tại để bảo cuộc sống ăn học, giáo dục và phát triển bình thường về mọi mặt của cháu Trần Yến N, cần giao cháu cho chị T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi) là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 81, Điều 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Cháu T là con riêng của chị T, theo nguyện vọng của cháu T là được ở với mẹ và nguyện vọng của chị T xin được nuôi cháu T. Vậy, để đảm bảo cho việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và phát triển bình thường về mọi mặt của cháu cần giao cháu cho chị T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh T phải dưỡng nuôi con.

Xét về tài sản chung, riêng và công nợ:

[2.2]. Trong quá trình giải quyết chị T và anh T cùng thống nhất không có tài sản chung, riêng và công nợ và không yêu cầu tòa án giải quyết cũng như lời trình của anh T tại phiên tòa do vậy HĐXX không xem xét.

[3]. **Về án phí:** Buộc chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Tòa án.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*) Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35/BLTTDS năm 2015;

*) Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014;

*) Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Đinh Thị T. Chị Đinh Thị T được ly hôn với anh Trần Đức T.

2. Về con chung, con riêng:

Giao cháu Trần Yến N – sinh ngày 10/5/2013 và cháu Lê Thu T - sinh ngày 29/9/2001 cho chị Đinh Thị T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi

dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên (18 tuổi). Chấp nhận việc chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Trần Đức T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con có thể thay đổi, Tòa án sẽ xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, riêng và công nợ:

Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí:

Về án phí: Buộc chị Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình, nhưng khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp tại biên lai số: AB/2010/00277 ngày 11/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Chị Đinh Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Áp dụng Điều 271, 273/BLTTDS, anh Trần Đức T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/7/2017). Chị Đinh Thị T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- P.GĐKT Toà án tỉnh Đ;
- Viện kiểm sát huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn M;
- L- u hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XỬ XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Quàng Văn Xôm

